

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

*Tại ngày ký báo cáo tài chính*

#### **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 8 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Đông Triều	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Bùi Vạn Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016, Miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Cửu Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2016, Miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2017)
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Lê Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phan Thanh Quan	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phan Hoàng Liêm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồ Thiện Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Lai	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phạm Xuân Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
Ông Phạm Nhật Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Trần Văn Lý	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
	Ông Mai Thanh Tol	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2016)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016)
	Ông Vũ Hồng Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017)
	Ông Phạm Văn Thạnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Nguyễn Hồ Thiện Nhân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2018)
	Ông Phạm Hoàng Liêm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
	Ông Bùi Vạn Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017)
	Ông Phạm Nhật Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2018)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2016)
	Ông Vũ Hồng Quỳnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017)
	Ông Phạm Văn Thạnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017)
	Ông Hoàng Tiến Đạt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 15 tháng 5 năm 2017)
<b>Trụ sở chính</b>	15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 36. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 6 tháng 12 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 36 của báo cáo tài chính, theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐ HTKD”) ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) đã góp vốn vào Dự án Lega Fashion House (“Dự án”) với số tiền tương ứng là 38.996.885.439 đồng và 5.635.596.481 đồng, và cũng đã trao quyền thực hiện Dự án và tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho OGC và GDI số tiền góp vốn nói trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, và cũng chưa thể xác định được khi nào thì Công ty tìm được đối tác mới cũng như số tiền sẽ nhận được từ đối tác mới để hoàn trả cho OGC và GDI. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản dự phòng chi phí nào vào báo cáo tài chính này cho nghĩa vụ hoàn trả OGC và GDI với tổng số tiền là 44.632.481.920 đồng (chưa bao gồm tiền lãi nếu có).

## Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2017-006-1

Báo cáo kiểm toán số HCM7543  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở nước CHXHCN Việt Nam, không thực hiện theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán của các thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>56.662.475.741</b>	<b>64.830.694.665</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>18.735.062.173</b>	<b>4.309.654.262</b>
111	Tiền		16.735.062.173	4.309.654.262
112	Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	18.000.000.000	29.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.424.378.940</b>	<b>18.056.148.117</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.309.613.156	16.029.662.374
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	271.828.547	531.288.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	841.408.610	1.495.197.743
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		1.528.627	-
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	8	<b>10.481.429.110</b>	<b>13.118.669.061</b>
141	Hàng tồn kho		18.066.259.230	20.395.892.625
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.584.830.120)	(7.277.223.564)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.605.518</b>	<b>346.223.225</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		21.605.518	184.542.403
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	161.680.822
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>31.326.044.969</b>	<b>37.546.652.994</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>94.720.000</b>	<b>153.820.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	94.720.000	153.820.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định (“TSCĐ”)</b>		<b>5.789.916.720</b>	<b>6.459.387.432</b>
221	TSCĐ hữu hình	10	5.789.916.720	6.459.387.432
222	Nguyên giá		87.555.893.225	86.634.353.044
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(81.765.976.505)	(80.174.965.612)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>22.186.496.403</b>	<b>26.920.206.770</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	24.498.722.533	24.498.722.533
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(2.312.226.130)	(2.578.515.763)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.254.911.846</b>	<b>4.013.238.792</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	28.103.365	675.521.791
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	3.036.800.359	3.138.904.648
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		190.008.122	198.812.353
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>87.988.520.710</b>	<b>102.377.347.659</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

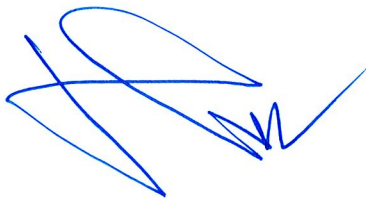


**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.562.201.648</b>	<b>53.615.555.604</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.972.233.955</b>	<b>36.353.710.151</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.172.512.223	2.748.054.675
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		230.025.684	292.783.449
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	4.609.891.624	1.913.971.816
314	Phải trả người lao động	14	5.171.281.663	9.428.417.749
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.011.962.224	510.701.573
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	4.466.326.950	3.675.201.796
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	17.374.565.506
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		310.233.587	410.013.587
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>18.589.967.693</b>	<b>17.261.845.453</b>
337	Phải trả dài hạn khác	17	628.586.240	1.152.960.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	19	17.961.381.453	16.108.885.453
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>49.426.319.062</b>	<b>48.761.792.055</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>49.426.319.062</b>	<b>48.761.792.055</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	4.003.156.282	4.003.156.282
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	9.605.117.855	9.605.117.855
421	Lỗi lũy kế		(38.181.955.075)	(38.846.482.082)
421a	- Lỗi lũy kế của các năm trước		(38.846.482.082)	(31.676.442.327)
421b	- Lỗi sau thuế của năm nay	21	664.527.007	(7.170.039.755)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>87.988.520.710</b>	<b>102.377.347.659</b>



Lê Phan Hoàng Long  
Người lập/ Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

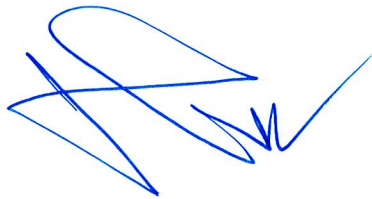


**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.632.160.189	133.519.043.519
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(626.157.422)	(680.265.896)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.006.002.767	132.838.777.623
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(103.249.386.183)	(112.937.375.895)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.756.616.584	19.901.401.728
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.263.013.147	4.429.040.143
22	Chi phí tài chính	(10.386.260)	(1.557.335.990)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(122.267.727)	(410.424.782)
25	Chi phí bán hàng	(5.060.597.123)	(5.013.545.637)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.671.225.229)	(22.985.064.345)
30	Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	2.277.421.119	(5.225.504.101)
31	Thu nhập khác	3.796.231.031	1.827.507.191
32	Chi phí khác	(4.098.941.804)	(4.630.158.057)
40	Lỗ khác	(302.710.773)	(2.802.650.866)
50	Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế	1.974.710.346	(8.028.154.967)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.208.079.050)	(851.042.518)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(102.104.289)	1.709.157.730
60	Lợi nhuận/ (lỗ) nhuận sau thuế TNDN	664.527.007	(7.170.039.755)
70	Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	90	(1.049)
71	Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	90	(1.049)



Lê Phan Hoàng Long  
Người lập/ Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

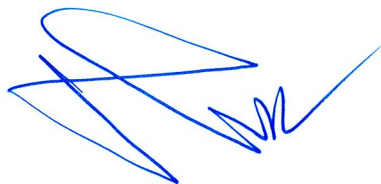
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

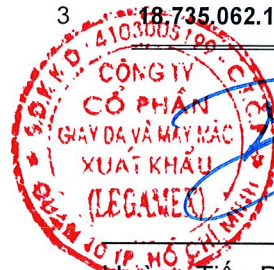
Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế</b>	<b>1.974.710.346</b>	<b>(8.028.154.967)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	33 1.898.358.212	2.257.956.459
03	Các khoản dự phòng	1.893.812.923	6.918.218.192
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	27, 28 (146.014.587)	105.934.805
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.139.002.599)	(4.099.492.403)
06	Chi phí lãi vay	28 122.267.727	410.424.782
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>2.604.132.022</b>	<b>(2.435.113.132)</b>
09	Giảm các khoản phải thu	8.854.078.626	4.929.382.866
10	Giảm hàng tồn kho	2.339.835.703	4.926.216.260
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	837.111.022	(3.017.581.350)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	810.355.311	(180.085.636)
14	Tiền lãi vay đã trả	(122.267.727)	(410.424.783)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") đã nộp	13 (1.352.479.522)	(695.321.951)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>13.970.765.435</b>	<b>3.117.072.274</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	10 (1.228.887.500)	(757.701.818)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	354.427.087	164.545.455
23	Chi gửi tiền ngân hàng có kỳ hạn	(13.000.000.000)	(22.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	29.000.000.000	15.400.000.000
27	Thu lãi tiền gửi	2.784.575.512	3.706.167.154
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>17.910.115.099</b>	<b>(3.486.989.209)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	18 14.575.367.870	51.120.043.971
34	Chi trả nợ gốc vay	18 (31.949.933.376)	(49.206.383.414)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	22 (223.995.000)	(3.982.700.600)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(17.598.560.506)</b>	<b>(2.069.040.043)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>14.282.320.028</b>	<b>(2.438.956.978)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4.309.654.262</b>	<b>6.756.615.429</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	143.087.883	(8.004.189)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 4.735.062.173</b>	<b>4.309.654.262</b>



Lê Phan Hoàng Long  
Người lập/ Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 6 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 8 năm 2006 và thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công may mặc, dệt nhãn, thương mại và dịch vụ cho thuê mặt bằng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty có các đơn vị trực thuộc gồm: Khối sản xuất, và Trung tâm thời trang cùng tại 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 442 cán bộ công nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.097 cán bộ công nhân viên).

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở nước CHXHCN Việt Nam, không thực hiện theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán của các thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất từ các hoạt động gia công tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Đầu tư

#### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

#### (b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### 2.8 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ.

#### *Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 5%
Máy móc thiết bị	10% - 14%
Phương tiện vận tải	14%
Thiết bị quản lý	14%

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(b) Doanh thu gia công**

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và chuyển giao cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

**(c) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(d) Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**(e) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(f) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, và vận chuyển.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu TNDN kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	284.810.204	747.899.022
Tiền gửi ngân hàng	16.450.251.969	3.561.755.240
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
	<u>18.735.062.173</u>	<u>4.309.654.262</u>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	18.000.000.000	29.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại, trên 3 tháng và dưới mười hai tháng, và hưởng lãi suất 6% - 6,6%/năm (2015: 6%-7,25%/năm).

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>2016</b>			<b>2015</b>		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	13.218.722.533	(*)	(2.312.226.130)	13.218.722.533	(*)	(2.578.515.763)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Việt Nam	1.680.000.000	(*)	-	1.680.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	9.600.000.000	(*)	-	9.600.000.000	(*)	-
	<u>24.498.722.533</u>	<u>(2.312.226.130)</u>		<u>24.498.722.533</u>		<u>(2.578.515.763)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do cổ phần của các công ty được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Itochu Modopal Co., Ltd.	2.377.347.642	3.455.533.185
Sunwell Co., Ltd.	-	1.906.809.159
Công ty TNHH AMW Việt Nam	-	2.569.828.484
Công ty TNHH Hoàng Ngọc Trúc	-	1.324.447.685
Liên hiệp HTX Thương mại TP.HCM	2.285.101.915	1.877.999.191
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)	2.074.520.800	-
Khác	1.416.677.357	4.657.773.920
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	146.198.250	171.270.750
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	9.767.192	66.000.000
	<u>8.309.613.156</u>	<u>16.029.662.374</u>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Xây dựng và Nội thất VPLUS	232.907.400	-
Công ty TNHH MTV SX-TM Môi trường Á Châu	-	513.408.000
Khác	38.921.147	17.880.000
	<u>271.828.547</u>	<u>531.288.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	2016		2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	718.545.321	-	548.882.770	-
Khoản chi hộ tiền lương, tiền cơm cho Công ty TNHH Polaris	-	-	476.343.616	-
Khoản chi hộ cơ quan BHXH, BHYT	-	-	74.696.580	-
Khác	122.863.289	-	395.274.777	-
	<u>841.408.610</u>	<u>-</u>	<u>1.495.197.743</u>	<u>-</u>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	2016		2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	<u>94.720.000</u>	<u>-</u>	<u>153.820.000</u>	<u>-</u>

**8 HÀNG TỒN KHO**

	2016		2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.927.235.626	(858.205.654)	2.159.600.086	(748.796.540)
Công cụ, dụng cụ	213.920.878	(229.589.299)	218.488.313	(215.230.055)
Chi phí SXKD dở dang	165.339.371	-	250.142.407	-
Thành phẩm	13.758.111.192	(4.747.924.734)	15.408.356.781	(4.563.626.536)
Hàng hóa	1.960.593.621	(1.715.913.033)	2.053.780.856	(1.716.373.033)
Hàng gửi đi bán	41.058.542	(33.197.400)	305.524.182	(33.197.400)
	<u>18.066.259.230</u>	<u>(7.584.830.120)</u>	<u>20.395.892.625</u>	<u>(7.277.223.564)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	7.277.223.564	898.745.590
Tăng dự phòng	307.606.556	6.378.477.974
Số dư cuối năm	<u>7.584.830.120</u>	<u>7.277.223.564</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.191.673	105.018.398
Chi phí sửa chữa	-	570.503.393
Khác	5.911.692	-
	<u>28.103.365</u>	<u>675.521.791</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	675.521.791	497.012.756
Tăng	30.300.000	828.637.048
Phân bổ trong năm	(677.718.426)	(650.128.013)
Số dư cuối năm	<u>28.103.365</u>	<u>675.521.791</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MÁY MẠC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**10 TSCĐ HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	56.996.248.373	25.264.832.268	1.997.991.466	2.375.280.937	<b>86.634.353.044</b>
Mua trong năm	-	612.587.500	125.000.000	491.300.000	<b>1.228.887.500</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(307.347.319)	-	-	<b>(307.347.319)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>56.996.248.373</u>	<u>25.570.072.449</u>	<u>2.122.991.466</u>	<u>2.866.580.937</u>	<u><b>87.555.893.225</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	52.637.060.645	23.576.734.075	1.585.889.955	2.375.280.937	<b>80.174.965.612</b>
Khấu hao trong năm	1.319.865.138	407.113.429	112.891.555	58.488.090	<b>1.898.358.212</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(307.347.319)	-	-	<b>(307.347.319)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>53.956.925.783</u>	<u>23.676.500.185</u>	<u>1.698.781.510</u>	<u>2.433.769.027</u>	<u><b>81.765.976.505</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>4.359.187.728</u>	<u>1.688.098.193</u>	<u>412.101.511</u>	<u>-</u>	<u><b>6.459.387.432</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.039.322.590</u>	<u>1.893.572.264</u>	<u>424.209.956</u>	<u>432.811.910</u>	<u><b>5.789.916.720</b></u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 55.859.344.028 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 41.883.873.610 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	3.036.800.359	3.138.904.648

Biến động gộp về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.138.904.648	1.429.746.918
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 32)	(102.104.289)	1.709.157.730
Số dư cuối năm	3.036.800.359	3.138.904.648

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ trợ cấp thôi việc, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ được khấu trừ trong tương lai.

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH may Thời trang Tân Minh Hương	-	723.189.500
Công ty TNHH Thời trang Minh Trí Production	1.809.592.400	-
Công ty TNHH may Tano	568.535.402	-
Khác	1.785.473.721	2.011.765.175
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	8.030.700	12.220.000
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	880.000	880.000
	<u>4.172.512.223</u>	<u>2.748.054.675</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cần trừ VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
<b>a) Phải thu</b>					
Thuế thu nhập cá nhân	161.680.822	-	-	(161.680.822)	-
<b>b) Phải nộp</b>					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	709.887.678	7.212.805.222	(2.587.102.565)	(4.318.506.797)	1.017.083.538
Thuế xuất, nhập khẩu	256.108.413	442.646.933	-	-	698.755.346
Thuế TNDN	831.325.685	1.208.079.050	(1.352.479.522)	-	686.925.213
Thuế thu nhập cá nhân	-	349.157.533	(141.598.822)	(161.680.822)	45.877.889
Thuế tài nguyên	468.000	5.616.000	(5.616.000)	-	468.000
Tiền thuế đất	-	6.738.841.517	(5.120.116.201)	-	1.618.725.316
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	59.750.595	(59.750.595)	-	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	116.182.040	425.874.282	-	-	542.056.322
	<u>1.913.971.816</u>	<u>16.450.771.132</u>	<u>(9.274.663.705)</u>	<u>(4.480.187.619)</u>	<u>4.609.891.624</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Phải trả người lao động thể hiện chi phí lương, thưởng và các khoản phải trả khác cho người lao động.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	-	8.369.942
Tiền nước truy thu	82.030.108	82.030.108
Khác	929.932.116	420.301.523
	<u>1.011.962.224</u>	<u>510.701.573</u>

**16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	11.093.452	-
Kinh phí công đoàn	858.724.836	710.471.676
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.058.470.000	674.140.000
Cổ tức phải trả	1.356.800.500	1.580.795.500
Phải trả hợp tác kinh doanh	86.400.000	258.750.794
Khác	1.094.838.162	451.043.826
	<u>4.466.326.950</u>	<u>3.675.201.796</u>

**17 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Đây là các khoản nhận ký quỹ dài hạn từ bên thứ ba và không có số dư nào chiếm trên 10% tổng số.

**18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	15.704.188.006
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	-	1.670.377.500
	<u>-</u>	<u>17.374.565.506</u>







**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	7.400.000	-	7.400.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.400.000	-	7.400.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	-	7.400.000	-

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	3.774.000	51	3.774.000	51
Các cổ đông khác	3.626.000	49	3.626.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.400.000	100	7.400.000	100

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.400.000	7.400.000	-	7.400.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	74.000.000.000	4.003.156.282	(25.574.404.149)	8.711.202.475	<b>61.139.954.608</b>
Lỗ trong năm	-	-	(7.170.039.755)	-	<b>(7.170.039.755)</b>
Chia cổ tức (Thuyết minh 22) (*)	-	-	(4.440.000.000)	-	<b>(4.440.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(893.915.380)	893.915.380	<b>-</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(595.943.587)	-	<b>(595.943.587)</b>
Khác	-	-	(172.179.211)	-	<b>(172.179.211)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	74.000.000.000	4.003.156.282	(38.846.482.082)	9.605.117.855	<b>48.761.792.055</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	664.527.007	-	<b>664.527.007</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	74.000.000.000	4.003.156.282	(38.181.955.075)	9.605.117.855	<b>49.426.319.062</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 31- NQ/HĐQT/NK2 vào ngày 19 tháng 06 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chia cổ tức, trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng 4.440.000.000 đồng, 893.915.380 đồng và 595.943.587 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)****Mẫu số B 09 – DN****22 CỐ TỨC**

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.580.795.500	1.123.496.100
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	-	4.440.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(223.995.000)	(3.982.700.600)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>1.356.800.500</u>	<u>1.580.795.500</u>

**23 LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận/ (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận/ (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	664.527.007	(7.170.039.755)
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(595.943.587)
	<hr/>	<hr/>
	<u>664.527.007</u>	<u>(7.765.983.342)</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	7.400.000	7.400.000
	<hr/>	<hr/>
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>90</u>	<u>(1.049)</u>
	<hr/>	<hr/>
Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	<u>90</u>	<u>(1.049)</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	643.890	61.054
Euro (EUR)	163	584
Đô la Singapore (SGD)	105	105
Francs Bỉ (BEF)	1.200	1.200
	<u>          </u>	<u>          </u>

**25 DOANH THU THUẦN**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.670.145.453	94.605.991.600
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	21.705.016.626	23.497.643.605
Doanh thu cho thuê	14.114.878.662	10.221.970.837
Doanh thu khác	4.142.119.448	5.193.437.477
	<u>          </u>	<u>          </u>
	129.632.160.189	133.519.043.519
	<u>          </u>	<u>          </u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(399.250.207)	(521.491.982)
Hàng bán bị trả lại	(207.460.265)	(133.112.166)
Giảm giá hàng bán	(19.446.950)	(25.661.748)
	<u>          </u>	<u>          </u>
	(626.157.422)	(680.265.896)
	<u>          </u>	<u>          </u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	89.270.895.246	94.084.499.618
Doanh thu thuần bán hàng hóa	21.478.109.411	23.338.869.691
Doanh thu cho thuê	14.114.878.662	10.221.970.837
Doanh thu khác	4.142.119.448	5.193.437.477
	<u>          </u>	<u>          </u>
	129.006.002.767	132.838.777.623
	<u>          </u>	<u>          </u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Giá vốn của dịch vụ gia công	83.671.037.226	86.205.057.007
Giá vốn của thành phẩm đã bán	17.198.880.907	18.022.474.139
Giá vốn dịch vụ cho thuê	964.197.314	306.075.156
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	307.606.556	6.378.477.974
Khác	1.107.664.180	2.025.291.619
	<u>103.249.386.183</u>	<u>112.937.375.895</u>

**27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.855.075.512	2.393.042.403
Cổ tức, lợi nhuận được chia	929.500.000	1.706.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	332.423.048	329.547.740
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	146.014.587	-
	<u>3.263.013.147</u>	<u>4.429.040.143</u>

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	122.267.727	410.424.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	154.408.166	1.112.844.757
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	105.934.805
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(266.289.633)	(71.868.354)
	<u>10.386.260</u>	<u>1.557.335.990</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.842.925.604	2.189.050.978
Chi phí vật liệu, bao bì	37.352.140	59.798.244
Chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình	77.852.616	77.852.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.836.905	333.086.287
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.260.094.303	580.303.494
Khác	1.344.535.555	1.773.454.018
	<u>5.060.597.123</u>	<u>5.013.545.637</u>

**30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	11.920.079.446	15.410.405.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.572.091.039	1.493.300.681
Chi phí thuê đất, nhà xưởng, và văn phòng	2.495.697.734	1.209.616.111
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.114.809.836	1.377.312.612
Khác	3.568.547.174	3.494.429.450
	<u>21.671.225.229</u>	<u>22.985.064.345</u>

**31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	354.427.087	164.545.455
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	35.902.758	-
Phí được hỗ trợ từ đối tác đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.582.448.000	1.362.429.184
Thu tiền từ nợ đã xóa sổ	76.386.803	225.417.491
Khác	1.747.066.383	75.115.061
	<u>3.796.231.031</u>	<u>1.827.507.191</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**Mẫu số B 09 – DN**

**31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC (tiếp theo)**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí liên quan Dự án Lega Fashion House	(2.670.624.000)	(2.670.624.000)
Thuế bị truy thu	(1.281.658.352)	(697.092.233)
Chi phí phạt	(42.167.493)	(306.561.070)
Chi phí phạt chậm nộp thuế	(6.928.560)	(23.947.537)
Chi phí xử lý thừa - thiếu hàng tồn kho	-	(675.732.180)
Khác	(97.563.399)	(256.201.037)
	<u>(4.098.941.804)</u>	<u>(4.630.158.057)</u>
Lỗi khác	<u>(302.710.773)</u>	<u>(2.802.650.866)</u>

**32 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2015: 22%) như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế	1.974.710.346	(8.028.154.967)
Thuế tính ở thuế suất 22%	-	(1.766.194.093)
Thuế tính ở thuế suất 20%	394.942.069	-
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(185.900.000)	(375.419.000)
Chi phí không được khấu trừ	1.101.141.270	1.283.497.881
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.310.183.339</u>	<u>(858.115.212)</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.208.079.050	851.042.518
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 11)	102.104.289	(1.709.157.730)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.310.183.339</u>	<u>(858.115.212)</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.149.107.825	3.825.110.323
Chi phí nhân công	90.620.949.568	98.386.662.826
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.898.358.212	2.257.956.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.984.439.465	20.760.783.228
Chi phí dự phòng	307.606.556	6.378.477.974
Chi phí khác	6.020.746.909	5.934.445.047
	<u>129.981.208.535</u>	<u>137.543.435.857</u>

**34 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định do chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>(a) Giao dịch với các bên liên quan</b>		
<b>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	398.490.908	514.684.184
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	111.182.128	167.727.632
	<u>509.673.036</u>	<u>682.411.816</u>
<b>Doanh thu hợp tác kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	<u>15.121.001</u>	<u>11.092.727</u>
<b>Chi phí hợp tác kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	<u>109.719.772</u>	<u>118.116.138</u>
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý chủ chốt	<u>1.949.539.227</u>	<u>1.721.331.708</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Mẫu số B 09 – DN

**34 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	146.198.250	171.270.750
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	9.767.192	66.000.000
	<u>155.965.442</u>	<u>237.270.750</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	8.030.700	12.220.000
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định - Phong Phú	880.000	880.000
	<u>8.910.700</u>	<u>13.100.000</u>

**35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	8.807.975.147	8.695.778.587
1 – 5 năm	23.190.140.290	26.709.575.786
Trên 5 năm	98.232.394.911	101.411.377.130
	<u>130.230.510.348</u>	<u>136.816.731.503</u>

Chi tiết cam kết thuê hoạt động liên quan đến các khu đất như sau:

<b>Vị trí đất</b>	<b>Tiền thuê hàng năm</b> <b>VND/ m<sup>2</sup></b>
Số 15 Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	237.600 đồng
Số 195 Đường 3/2, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	1.408.000 đồng
Số 467C Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	528.000 đồng
Số 63-65 Đường Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	45.760 đồng
Số 106 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	1.267.200 đồng



36 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐ HTKD”) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) cho Dự án Lega Fashion House (“Dự án”), theo đó Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền mặt.

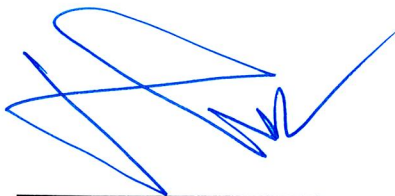
Theo Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016, các bên đã thống nhất chi phí đã phát sinh của các bên cho Dự án như sau: Công ty đã chi số tiền là 5.201.817.904 đồng, OGC đã chi số tiền là 38.996.885.439 đồng và GDI số tiền là 5.635.596.481 đồng. Bên cạnh đó, các bên tham gia HĐ HTKD của Dự án đồng ý trao quyền cho Công ty tìm kiếm và ký hợp đồng với đối tác mới. Theo đó, trên cơ sở ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới, thì Công ty có nghĩa vụ phải hoàn trả OGC và GDI số tiền trên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2016, GDI có Công văn số 70/2016-GDI và ngày 19 tháng 12 năm 2016, OGC có Công văn số 341/2016/CV-PGC gửi cho Công ty có cùng nội dung yêu cầu các bên tham gia HĐ HTKD tiến hành cuộc họp nhằm hủy bỏ Biên bản thanh lý HĐ HTKD ngày 9 tháng 6 năm 2015 và Phụ lục số 01 của biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2016 nêu trên và đề nghị tiếp tục thực hiện HĐ HTKD.

Biên bản làm việc ngày 4 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty, GDI và OGC, theo đó GDI và OGC xác nhận việc thoái vốn khỏi Dự án và trao quyền thực hiện dự án cho Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định, nên Công ty chưa thể xác định được một cách chắc chắn số tiền sẽ thu được từ đối tác để hoàn trả cho OGC và GDI, và theo đó Công ty không ghi nhận dự phòng nghĩa vụ hoàn trả cho OGC và GDI trên báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 6 tháng 12 năm 2018.



Lê Phan Hoàng Long  
Người lập/ Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Đạt  
Tổng Giám đốc